TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: **119**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Duy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**
2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Lê Hoàng** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:*** Ông **Phạm Tấn Hải** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 411/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 328/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 ngày 8 tháng 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Kiều T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: E18/4A ấp 5, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Võ Trường S**, sinh năm 1982

Địa chỉ: F3/28 ấp 6, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T có mặt tại phiên tòa, ông S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 07/4/2017, bản tự khai ngày 07/6/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Kiều T trình bày:

Bà và ông Võ Trường S bắt đầu chung sống với nhau từ tháng 9/2009, do tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu

thuẫn nguyên nhân do ông S có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bà và ông S đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2014 cho đến nay.

Về con chung: Bà và ông S có một con chung tên Võ Trường H, sinh ngày 11/4/2010, hiện nay trẻ H đang sống chung với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi trẻ H 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có.

Tại bản tự khai ngày 10/8/2017 bị đơn ông Võ Trường S trình bày:

Ông và bà Võ Kiều T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2009 do tự tìm hiểu đến với nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đôi khi có cãi vả nhưng không lớn. Đến năm 2014 thì mâu thuẫn giữa ông và bà T trở nên trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên bất hòa, bà T thường xuyên đi sớm về khuya, không chăm lo cho chồng con và gia đình. Gia đình hai bên và ông nhiều lần khuyên can nhưng không giải quyết được, ông bà sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có một con chung tên Võ Trường H, sinh ngày 11/4/2010, hiện nay trẻ H đang sống chung với bà T. Khi ly hôn ông đồng ý giao trẻ H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi trẻ H 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác nhận không có.

Do ông bận đi làm nên ông có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông cam kết không thắc mắc, khiếu nại gì về việc vắng mặt của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 8, 9, 51, 56, 81 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Kiều T với ông Võ Trường S.

- Về con chung: Giao trẻ Võ Trường H, sinh ngày 11/4/2010 cho bà Võ Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi trẻ H 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Bà Võ Kiều T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Trường S. Ông S có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S là phù hợp quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Bà Võ Kiều T và ông Võ Trường S chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 quyển số 01/2010 ngày 05/02/2010. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình."*

[6] Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được."*

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông S xác nhận ông và bà chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông bà đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Theo công văn số 2385/UBND ngày 18/8/2017 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xác định: cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông S có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cãi vả nhiều, không thể hàn gắn dẫn đến ly hôn, ông bà đã sống ly thân gần 03 năm nay. Tại bản tự khai ngày 10/8/2017 của ông S thể hiện ông S cũng đồng ý ly hôn với bà T. Điều này chứng tỏ giữa bà T và ông S đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được thì

cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T với ông S.

[8] Về con chung: Có 1 con chung Võ Trường H, sinh ngày 11/4/2010.

[9] Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*".

[10] Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đối với trẻ Võ Trường H thể hiện trẻ H có nguyện vọng được sống với bà T. Ông S và bà T thống nhất thỏa thuận giao trẻ H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của bà T, ông S và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận, quyết định giao trẻ Võ Trường H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[11] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi H mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 10/8/2017 của ông S thể hiện ông S đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng của bà T, đây là sự tự nguyện của ông S, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận, ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ H 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ H trưởng thành.

[12] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông S xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[13] Về án phí: Bà Võ Kiều T chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông Võ Trường S chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Khoản 1 Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Kiều T đối với ông Võ Trường S.

1.1. Bà Võ Kiều T được ly hôn với ông Võ Trường S.

1.2. Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/02/2010 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

2.1. Giao trẻ Võ Trường H, sinh ngày 11/4/2010 cho bà Võ Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi trẻ H mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi trẻ H trưởng thành, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 (mười) dương lịch hàng tháng. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 10/10/2017. Trường hợp ông S chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Các bên giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.3. Ông S có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về án phí:

4.1. Bà Võ Kiều T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0033130 ngày 17/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

4.2. Ông Võ Trường S chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H. BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- UBND xã A, huyện B, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đỗ Thị Duy Linh